**ĐÂY THÔN VĨ DẠ**

**(Hàn Mạc Tử)**

1. **Giới thiệu tác giả, tác phẩm**
2. **Tác giả Hàn Mạc Tử**

**-** Tên thật là Nguyễn Trọng Trí, quê ở Quảng Bình nhưng chủ yếu sống ở Quy Nhơn.

- Là nhà thơ tài hoa nhưng bất hạnh nên hồn thơ mãnh liệt nhưng luôn quằn quại đau đớn.

- Cuộc đời ngắn ngủi, chết sớm vì cơn bệnh phong quái ác nhưng không vì thế mà làm giảm đi bút lực tinh hoa của người nghệ sĩ yêu cái đẹp, tha thiết với cuộc đời.

- Làm thơ từ năm 16 tuổi bắt đầu bằng thơ Đường sau chuyển sang thơ Mới.

1. **Tác phẩm**

* Tác phẩm in trong tập “Thơ Điên” sau đổi là “Đau thương” .Tập thơ viết khi Hàn Mạc Tử bị phong nên thế giới nghệ thuật trong thơ đầy điên loạn, ma quái, đau đớn. Thế nhưng bất ngờ sao lại có những bài thơ trong trẻo, hồn nhiên, đẹp đẽ như “***Đây thôn Vĩ Dạ”.*** Có thể nói đây là bài thơ hiếm hoi trong tập thơ thể hiện cái tôi yêu thiên nhiên, cuộc sống tha thiết đến như vậy.
* Thôn Vĩ Dạ là một làng kề sát thành phố Huế bên bờ sông Hương với những ngôi nhà xinh xắn giữa những mảnh vườn cây trái xanh tươi đẹp đẽ.
* Bài thơ được chắp bút từ một bức bưu ảnh mà Hoàng Thị Kim Cúc theo lời khuyên của người bạn văn của HMT gửi đến nhà thơ cùng lời thăm hỏi. Trong hoàn cảnh đang bị bệnh, mặc cảm tự thu mình trong thế giới “lãnh cung” cô đơn, lạnh lẽo, bức bưu ảnh được gửi đến đã vực dậy trong HMT niềm xúc động từ đó thăng hoa thành nghệ thuật để viết nên bài thơ như lời cảm tạ tấm chân tình của người con gái phương xa 🡪 thế giới nghệ thuật trong bài thơ chính là thế giới của tâm tưởng, khát vọng; cảnh không theo “cái nhìn” của mắt mà chủ yếu qua “cái thấy” của tâm trạng.

1. **Phân tích**
2. ***Khổ 1: Vườn Huế tươi đẹp và tình người thiết tha***

*-* GT: Xứ Huế được biết đến là vùng đất cố đô kết tinh bao vẻ đẹp thơ mộng với dòng sông Hương, cầu Tràng Tiền, núi Ngự Bình...và xao xuyến lòng người còn ở những khu nhà vườn xinh xắn rợp mát khó nơi đâu có được. Nhớ về xứ Huế, người nghệ sĩ vẫn không thôi cưỡng lại sự quyến rũ của vườn Vĩ Dạ bên bờ sông Hương mềm mại, duyên dáng.

*-* Mở đầu bài thơ để mở mạch cho cảm xúc là một câu hỏi: “*Sao anh không về chơi thôn Vĩ?”*

+ Câu thơ là một câu hỏi hay đúng hơn là lời **trách móc** nhẹ nhàng, một kiểu trách rất Huế, rất ngọt ngào làm xao xuyến lòng người. Huống chi thôn Vĩ đâu phải xa lạ mà “sao anh không về?”, ẩn trong lời trách còn là **lời mời gọi kín đáo** về chơi thôn Vĩ cũng là về thăm em.

+ Đây là lời của cô gái Huế nhưng suy cho cùng chính là nỗi lòng của tác giả. Sự **phân thân trữ tình** để tưởng tượng ra có người con gái đang đợi mình về, đợi mình thăm cũng đủ thấy tác giả đã có những ấp ủ trong tâm tư về **niềm mong ước thầm kín** được trở về chốn cũ người xưa.

* Đặt trong hoàn cảnh của tác giả đang lâm trọng bệnh với nỗi mặc cảm tự giam mình trong lãnh cung lạnh lẽo của số phận, câu thơ mở đầu đã nén bao đắng đót xót xa về mong ước nhưng có lẽ khó thành của nhà thơ.
* Về thôn Vĩ để “*nhìn nắng hàng cau nắng mới lên”.*

+ Vườn Huế đẹp bởi những hàng cau cao vút mảnh mai như dáng ai chờ đợi mong ngóng, càng đẹp hơn khi được tắm gội trong cái “*nắng mới lên*”.

+ “*Nắng mới lên*” là cái nắng trong trẻo, thanh khiết như còn lấp lánh sương đêm tạo nên một vẻ đẹp trinh nguyên tươi mát và gợi biết bao gần gũi. Cả khu vườn như được tắm gội qua một đêm sương mát mẻ để khi bình minh ló dạng từng giọt sương đêm còn sót đọng trên những phiến lá được chiếu soi bởi cái nắng đầu ngày trở nên sóng sánh như những hạt ngọc. Cả khu vườn lấp lánh một vẻ đẹp thật kì diệu!

+ Đã thế nhà thơ điệp đến hai lần “*nắng*” như muốn nhấn mạnh cái nắng đang tràn ngập khắp khu vườn. Và thật thi vị những hàng cau với nhiều đốt dựng đứng thẳng tắp được ví như thước đo mực nắng trong vườn, nắng chiếu đến đâu vườn ngập đến đấy cho đến khi tạo thành một viên ngọc khổng lồ soi chiếu lung linh.

- Đến gần hơn, nhà thơ đã thốt lên lời trầm trồ đầy ngạc nhiên: “*Vườn ai mướt quá xanh như ngọc”*

*+* “*Vườn ai*” – cách nói phiếm chỉ rất quen thuộc trong ca dao vừa kín đáo ý nhị vừa như quen như lạ. Vườn là vườn Huế, vườn Vĩ Dạ nhưng sao gọi là “*vườn ai*”? Phải chăng vườn thôn Vĩ đẹp quá, đẹp đến mức ngỡ ngàng khiến nhân vật trữ tình tưởng như quen mà hoá lạ.

+ Bao nhiêu xanh tươi mơn mởn non tơ trong cách dùng từ “mướt quá” và nghệ thuật so sánh “xanh như ngọc”. Chữ “mướt” gợi vẻ mượt mà óng ả đầy xuân sắc, xanh như ngọc gợi được sự lấp lánh, lung linh của vườn Vĩ Dạ.

* -Vườn Huế đã đẹp nay lại càng đẹp hơn bởi sự tài hoa của người nghệ sĩ. Ngôn từ được sử dụng một cách chọn lọc đã chắp cánh cho câu thơ bay bổng, mở ra trong người đọc một thế giới thơ thật kì diệu. Đồng thời, cũng thấy được tình yêu thiên nhiên tha thiết của Hàn Mạc Tử dành cho cảnh vật nơi đây.

- Thấp thoáng đâu đó là : “*Lá trúc che ngang mặt chữ điền”*

+ Nét vẽ trang trọng tinh tế nhưng hình tượng thơ cũng đầy bí ấn tốn biết bao giấy mực và tâm huyết của người đọc.

+ Đó là mặt chữ điền hay HMT muốn nói đến vẻ đẹp rất riêng của người phụ nữ phúc hậu đoan trang “*Mặt em vuông tựa chữ điền/ Có câu nhân nghĩa có lời thuỷ chung*” (ca dao Huế).

+Đã thế, khuôn mặt ẩn sau “lá trúc che ngang” gợi vẻ đẹp e ấp, kín đáo, rất dịu dàng, rất Huế.

- Câu thơ đơn giản chỉ là nét vẽ, nét tả hay đó còn là mong ước của nhà thơ về một người tình thuỷ chung, đôn hậu?

- Nhưng trong thơ của HMT lại không thiếu khuôn mặt ẩn sau cành lê, khóm trúc, với “mắt mờ lệ ở sau hàng chữ gấm” nên có thể hiểu hình ảnh thơ có lẽ là khuôn mặt tự hoạ của tác giả. Khuôn mặt ấy dường như không muốn trưng ra với đời phải chăng vì mặc cảm chia lìa, mặc cảm ấy khiến thi sĩ như tự tạo hàng rào chắn cho mình để như một kẻ đứng ngoài cuộc đời mà thầm lén ngưỡng vọng vào trong ấy bao thiết tha.

🡪**Sơ kết**: - Cảnh và người hài hoà đến thế, cảnh tô điểm cho người thêm đẹp, người cho cảnh thêm ấm áp, hữu tình.

- Đặt bức tranh phong cảnh vườn Huế trong sáng tinh khiết trong hoàn cảnh nghiệt ngã của nhà thơ, mới thấm thía tình cảm chan chứa nồng hậu HMT dành cho xứ Huế. Phải yêu Huế, yêu Vĩ Dạ lắm tha thiết, HMT mới có thể viết những vần thơ hay đến thế

**2. Khổ 2: Dòng sông Huế**

Khổ 2 chuyển sang một cảnh khác mà sắc thái thẩm mĩ đã thay đổi hoàn toàn cảnh trong khổ 1. Mây và gió vốn hay liền nhau vì gió thổi mây bay. Thế mà, “Gió theo lối gió, mây đường mây”.

- Câu thơ gợi nỗi chia lìa cách biệt đến nghiệt ngã, ngang trái vì có thể chia lìa những thứ vốn không thể chia lìa.

- Mây bay đi, gió bay đi chỉ còn lại “*dòng nước buồn thiu, hoa bắp lay*”. Nỗi buồn li tán chia phôi của mây – gió đã nhuốm lan cho dòng nước nỗi buồn li biệt. Còn *hoa bắp lay* gợi sự hiu hắt, trống vắng, lẻ loi. Trạng thái lay không làm cho cảnh vật thêm sinh động mà như vớt vát chút gì còn lại với nơi đây. Mây – gió lìa đi, dòng nước buồn thiu cũng đang trôi chảy, chỉ có bông lau đứng lặng đôi bờ, lay theo gió như nỗ lực níu kéo cũng là để bớt chơ vơ.

- Cảnh buồn hay nỗi buồn nhà thơ đã nhập vào nhịp điệu chầm chậm, buồn buồn, nhè nhẹ của sông Huế, cỏ cây Huế. Câu thơ đã truyền được cái nhịp điệu riêng của Huế hay nói như giáo sư Hà Bình Trị thì: “Bài thơ nói đúng nhịp điệu Huế”

- Trong xu thế đang trôi đi, nhà thơ ao ước có một thứ có thể ngược dòng về với mình, ấy là trăng:

*Thuyền ai đậu bến sông trăng đó*

*Có chở trăng về kịp tối nay?*

- Thơ HMT nói nhiều về trăng, trăng mỗi khi xuất hiện lại mang những nét bí ẩn riêng :”*trăng nằm sóng soãi trên cành liễu*? *Đợi gió đông về để lả lơi”*

*- Ta nằm trong vũng trăng đêm ấy*

*Sáng dậy điên cuồng mữa máu ra*

(Say trăng)

*Tôi dìm hồn xuống một vũng trăng êm*

*Cho trăng ngập dần lên tới ngực*

(Hồn là ai)

Người đọc không lại gì khi thấy sự xuất hiện của hình ảnh sông trăng trong thơ HMT. Chỉ riêng tập “Đau thương”, đã có đến 159 lần trăng xuất hiện. Trăng trong thơ Hàn không còn mang ý nghĩa tả thực mà thể hiện một ý nghĩa biểu tượng. Đó là ngọn nguồn của cái đẹp, của thế giới nghệ thuật khơi gợi xúc cảm và sự sáng tạo của thi nhân “trăng – vú mộng muôn đời của thi sĩ”.

Trăng trong hai câu thơ mang hai ý nghĩa khác nhau. Đó là chất thơ của đất trời khai mở những tâm hồn, là cái đẹp huyền ảo, lung linh nhưng lại khó nắm bắt. Trong nỗi mặc cảm thân phận – bệnh tật, trăng chính là biểu tượng của tình yêu, sự sống, tình người mà nhà thơ luôn khắc khoải trông chờ nhưng biết rằng có cũng như không, gần đó mà xa tận tít tắp đề khi cả dòng sông đã nhuộm đầy bóng trăng mà nhà thơ vẫn cứ da diết “có chở trăng về”! Có vậy mới thấy thi nhân tha thiết với sự sống, cái đẹp đến nhường nào và cũng ý thức hơn hết sự phũ phàng nghiệt ngã của số phận.

- Hình thức câu hỏi càng khiến cho câu thơ day dứt đến nhường nào. Con thuyền của đời thực và cũng là con thuyền chở mộng, tính chất thực – ảo nằm ở chỗ đó.

- Chữ “kịp” thể hiện nỗi khắc khoải, lo âu như nhà thơ đang vội vàng cuống quýt sợ cái đẹp tuyệt vời đến hư ảo sẽ không còn nữa, sẽ không kịp hội ngộ đoàn viên.

**\*Sơ kết:** ***Cảnh Huế đẹp nhưng buồn, vừa thực vừa ảo, cảnh làm nền cho giấc mơ thi nhân thoáng hiện. Hay niềm mơ không đến được trong đời nên đành gửi gớm trong thơ.***

***3.* Tình Huế**

- Nỗi niềm khắc khoải ấy đã hiện dần qua nhịp điệu trông ngóng đầy da diết:

Mơ khách đường xa, khách đường xa

- MƠ là ao ước, là hi vọng nhưng đường xa nên người cũng xa. Hay vì quá xa nên cũng chỉ là mơ thôi. Đã thế “áo em trắng quá nhìn không ra”. Một màu trắng đến kì lạ, ngỡ ngàng. Ta hay gặp sắc trắng cực tả trong thơ HMT. Áo em trắng hay HMT hiểu rằng tâm hồn em, tình cảm em còn trong trắng, trinh nguyên quá khiến nhà thơ thấy cách xa vời vợi.

- Sắc trắng nhạt nhoà, mông lung, mơ hồ có mà như không. Cái sắc trắng chập chờn ấy càng làm tăng nỗi khắc khoải day dứt trong lòng nhà thơ, sắc trắng như ẩn như hiện như có như không càng làm nhà thơ thêm hụt hẫng

- Nhà thơ muốn nắm bắt nhưng tất cả đều chìm vào sương khói: “Ở đây sương khói..đậm đà”. Bóng hình con người mờ dần trong sương. Câu thơ ẩn dấu niềm tâm sự kín đáo của nhà thơ, sương khói phải chăng là màu của cách ngăn, của thời gian. Có phải ở đó là ngoài Huế xa xôi, ở đây thì nhà thơ bị giam hãm trong nỗi buồn số phận, sao mà cách trở đến thế. Một chút hi vọng dẫu tha thiết nhưng vẫn rất mong manh đang nhạt nhoà dần, mờ ảo dẫn trong sương khói.

- Cuối cùng bài thơ đọng lại nỗi băn khoăn đến day dứt:

*Ai biết tình ai có đậm đà?*

+ Câu hỏi buông ra trong cõi hư vô không lời đáp lại. Cũng như tình yêu của HMT đơn phương không hi vọng dẫu thế ta vẫn bắt gặp trong thơ một tấm lòng chờ mong khắc khoải của nhà thơ.

+ Bài thơ với hàng loạt câu hỏi không lời đáp, nhiề lần sử dụng đại từ phiếm chỉ “ai” tạo tính hư ảo mơ hồ cho cả bài thơ. Nhà phê bình Vũ Ngọc Phan cho rằng: “Một nửa bài thơ là thực, một nửa là ảo”. Vì đây là mối tình đơn phương và vô vọng, cuộc đối thoại ở đây thực chất là mường tượng, là độc thoại, đang tự đặt ra lời mời để gửi gắm niềm mong ước, hi vọng.

* **Bài thơ là chỗ dựa tình thần, niềm an ủi cho lòng đỡ cô đơn.**
* **Đây thôn Vĩ Dạ là bài thơ tâm cảnh, chuyển đổi không gian bất ngờ, không theo logic quan sát trực quan mà được tái hiện qua tâm tưởng, miền nhớ của tâm trạng.**
* **Bài thơ là kết tinh nghệ thuật của thơ HMT với cảm xúc thơ trong sáng bâng khuâng một nỗi buồn có sức rung động gợi tả sâu sắc**